TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/DS-ST
Ngày: 28-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Lê Hùng Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 96/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỷ H, sinh ngày 26 tháng 9 năm 1993; Nơi cư trú: Ấp X, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2. Bị đơn:

2.1. Chị Nguyễn Thị Bé N, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1994; Nơi cư trú: Ấp Y, xã TP2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt lần thứ hai

2.2. Anh Huỳnh Thanh B, sinh ngày 08 tháng 9 năm 1989; Nơi cư trú: Ấp X, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2023 và ngày 15 tháng 6 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Mỷ H trình bày: Vào năm 2021, chị có cho chị Nguyễn Thị Bé N vay 100.000.000 đồng để làm ăn, với thỏa thuận tính lãi là là 100.000.000 đồng mỗi tháng 3.000.000 đồng đến đầu tháng 3 năm 2022, thời hạn cho vay là khoảng 01 đến 02 tháng sẽ đáo hạn Ngân hàng rồi trả, chị đã nhiều lần chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng cho chị N và anh B với số tiền tổng cộng là 100.000.000 đồng, quá thời hạn thỏa thuận chị nhiều lần gặp chị N, anh B yêu cầu trả số tiền đã vay của chị. Trong thời điểm vay tiền thì có lần chị chuyển qua tài khoản của anh B 20.000.000 đồng theo yêu cầu của chị N, nhưng không biết vì lý do tại sao anh B chuyển lại cho chị. Sau đó, anh B có gọi điện cho chị thỏa thuận là số tiền chị N nợ, thì anh B sẽ trả nợ sau khi bán đất xong với điều kiện là không đóng lãi nữa. Đến khoảng tháng 3 năm 2023 thì chị N chỉ trả cho chị 10.000.000 đồng. Chị đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị N, anh B trả tiền vay còn nợ cho chị theo như thỏa thuận nhưng chị N, anh B không trả. Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé N và anh Huỳnh Thanh B, có trách nhiệm cùng liên đới trả cho chị số tiền còn nợ gốc là 90.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Huỳnh Thanh B trình bày: Anh và vợ là Nguyễn Thị Bé N cưới nhau năm 2018, sau khi cưới thì vợ chồng sống chung tại gia đình cha mẹ anh tại ấp 3, xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, mọi sinh hoạt trong gia đình đều do cha mẹ anh cung cấp. Đến ngày 26 tháng 11 năm 2019 thì vợ anh về nhà cha mẹ ruột tại ấp 2, xã Thường Phước 2 để sinh con. Kể từ lúc này cho đến nay vợ anh không có về gia đình anh ở và vợ chồng anh cũng ly thân từ ngày 26 tháng 11 năm 2019. Tuy nhiên, có nhiều lần anh ghé nhà cha mẹ vợ để thăm con chung. Như vậy, việc vợ anh có vay tiền của chị Lê Thị Mỷ H hay không thì anh không biết và cũng không thấy vợ anh dùng tiền lo cho gia đình. Anh và chị Lê Thị Mỷ H không quen biết và anh cũng không vay tiền của chị Lê Thị Mỷ H số tiền trên với bất kỳ hình thức nào, nên anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu anh liên đới trả số tiền 90.000.000 đồng. Anh không có thỏa thuận trả tiền thay cho chị N, anh chỉ có liên lạc với H hỏi là N có vay tiền của H hay không, rồi anh có nói để gia đình N bán đất rồi sẽ trả. Trước đây, H có chuyển vào tài khoản của anh 20.000.000 đồng, anh có hỏi N lý do tại sao chuyển

vào tài khoản của anh thì N nói N mượn tiền bạn nhưng do tài khoản bị kẹt không nhận được nên gửi nhờ vào tài khoản của anh, liền sau đó anh đã chuyển số tiền này lại cho chị H. Nay chị H yêu cầu anh liên đới với chị N cùng trả số tiền 90.000.000 đồng thì anh không đồng ý vì anh không có vay tiền.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Bé N, Toà án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỷ H, buộc chị Nguyễn Thị Bé N trả số tiền vay còn nợ là 90.000.000 đồng; Không chập nhận yêu cầu của chị H buộc anh B liên đới với chị N cùng trả số tiền vay còn nợ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:*

[1.1] Chị Lê Thị Mỷ H khởi kiện chị Nguyễn Thị Bé N và anh Huỳnh Thanh B trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản, bị đơn chị Nguyễn Thị Bé N đang cư trú tại xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp và anh Huỳnh Thanh B đang cư trú tại xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, vì vậy theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

[1.2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Bé N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Bé N.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỷ H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua "SỔ PHỤ CHI TIẾT KIỆM BÁO NỢ/BÁO CÓ" của chị Lê Thị Mỷ H tại Ngân hàng TMCP QD được ghi nhận chị Lê Thị Mỷ H đã chuyển

tiền 04 lần cho chị Nguyễn Thị Bé N, cụ thể: vào ngày 28 tháng 9 năm 2021, chuyển 50.000.000 đồng, ngày 01 tháng 10 năm 2021 chuyển 20.000.000 đồng, ngày 19 tháng 10 năm 2021 chuyển 20.000.000 đồng và ngày 08 tháng 11 năm 2021 chuyển 10.000.000 đồng, tất cả đều với nội dung chuyển tiền tiền cho N mượn đáo nợ ngân hàng. Ngoài ra, bị đơn anh Huỳnh Thanh B cũng xác nhận lần chị H chuyển tiền vào tài khoản của anh, anh có hỏi chị N lý do tại sao chuyển vào tài khoản của anh thì chị N nói chị N mượn tiền bạn nhưng do tài khoản bị kẹt không nhận được nên gửi nhờ vào tài khoản của anh. Như vậy, việc bị đơn chị Nguyễn Thị Bé N có nợ tiền của chị nguyên đơn Lê Thị Mỷ H là có căn cứ. Chị H cho rằng, chị N mới trả được cho chị 10.000.000 đồng, còn nợ lại 90.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán, còn chị N không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với yêu cầu của chị H buộc anh B liên đới với chị N cùng trả số tiền vay còn nợ 90.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tuy anh B và chị N vẫn còn mối quan hệ vợ chồng hợp pháp, tuy nhiên anh B và chị N đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2019, anh chị đều không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, mạnh ai nấy sống; mặt khác tại lần chuyển tiền ngày 19 tháng 10 năm 2021 khi chị H chuyển tiền vào tài khoản của anh B thì anh B đã chuyển lại trong ngày và cùng thời gian này chị H đã chuyển số tiền này cho chị N, như vậy đây là việc vay riêng của chị N; còn việc anh B có nói sẽ trả tiền cho chị H là khi gia đình của chịN bán đất rồi sẽ trả, chứ không phải anh B nhận nợ hứa sẽ trả. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 43 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định vợ, chồng đều có quyền có tài sản riêng, việc chị N vay tiền của H không nhằm mục đích chăm lo công việc chung trong gia đình của anh B và chị N. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỷ H về việc buộc anh Huỳnh Thanh B liên đới cùng chị Nguyễn Thị Bé N trả số tiền còn nợ 90.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Các đương sự không có tranh chấp và không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Từ những nhận định trên, đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị

chấp nhận một phần yêu cầu của chị Lê Thị Mỷ H, buộc chị Nguyễn Thị Bé N phải trả số tiền 90.000.000 đồng theo yêu cầu của chị Lê Thị Mỷ H.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: "Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận"; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, chị Nguyễn Thị Bé N chịu toàn bộ án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 90.000.000 đồng x 5% là 4.500.000 đồng; chị Lê Thị Mỷ H, anh Huỳnh Thanh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 71, các Điều 91, 144, 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỷ H, buộc chị Nguyễn Thị Bé N trả cho chị Lê Thị Mỷ H số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỷ H về việc buộc anh Huỳnh Thanh B liên đới cùng chị Nguyễn Thị Bé N trả nợ 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1. Chị Nguyễn Thị Bé N phải chịu 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Anh Huỳnh Thanh B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3.3. Chị Lê Thị Mỷ H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị Lê Thị Mỷ H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 2.250.000 (hai triệu hai trăm năm chục nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004380 ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỷ H, bị đơn anh Huỳnh Thanh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Nguyễn Thị Bé N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lương Bằng